

Một số vấn đề cần quan tâm khi VN giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông tại Tòa trọng tài thường trực La Haye

BÀNH QUỐC TUẤN

NCS Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trên cơ sở tóm tắt trình tự, thủ tục để đưa một vụ việc tranh chấp ra trước Tòa trọng tài thường trực La Haye, tác giả đã phân tích cụ thể các công việc VN cần tiến hành để có thể giải quyết tranh chấp liên quan đến chủ quyền biển đảo trên biển Đông tại Tòa trọng tài thường trực La Haye. Đặc biệt, nghiên cứu đã tập trung phân tích các chứng cứ pháp lý mà VN phải thể hiện trong hồ sơ pháp lý để chứng minh cho yêu sách chủ quyền của mình cũng như những vấn đề VN cần quan tâm trong mỗi tương quan với các quốc gia khác có liên quan đến tranh chấp để có thể bảo vệ hiệu quả chủ quyền quốc gia nhưng đồng thời cũng phù hợp với pháp luật quốc tế.

Từ khóa: *Tòa trọng tài thường trực La Haye, PCA, tranh chấp chủ quyền biển Đông.*

Giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông bằng con đường hòa bình là mục tiêu mà VN và nhiều nước có liên quan theo đuổi. Chính vì vậy, việc nghiên cứu các cơ chế giải quyết tranh chấp của các cơ quan tài phán quốc tế là điều hết sức cần thiết. Trong bài viết “Phán quyết của Tòa trọng tài thường trực La Haye về giải quyết tranh chấp biển đảo và bài học kinh nghiệm cho VN” đăng trên Tạp chí *Phát triển & Hội nhập* số 4 (14), tháng 6/2012 chúng tôi đã giới thiệu cơ chế giải quyết tranh chấp của Tòa trọng tài thường trực La Haye, một trong những cơ quan tài phán quốc tế quan trọng hiện nay. Vậy trong trường hợp VN lựa chọn cơ quan tài phán này để giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo có liên quan thì VN cần phải quan tâm những vấn đề gì để Tòa trọng tài thường trực La Haye giải quyết

vụ việc. Bài viết sau đây sẽ cung cấp những nội dung cơ bản về trình tự, thủ tục để VN đưa tranh chấp chủ quyền trên biển Đông ra giải quyết tại Tòa trọng tài thường trực La Haye cũng như những chứng cứ pháp lý mà VN phải chuẩn bị để chứng minh cho yêu sách chủ quyền của mình và một số vấn đề khác có liên quan.

1. Trình tự, thủ tục đưa vụ việc ra trước Tòa trọng tài thường trực La Haye (Permanent Court of Arbitration - PCA)

Để giải quyết các tranh chấp liên quan đến chủ quyền lãnh thổ tại các cơ quan tài phán quốc tế đòi hỏi các bên liên quan phải tuân thủ nghiêm túc trình tự, thủ tục để đưa vụ tranh chấp ra giải quyết trước cơ quan tài phán đó. Trình tự, thủ tục này thường được quy định trong quy chế tổ tụng hoặc trong văn bản quy định việc tổ chức và hoạt động

của cơ quan tài phán đó. Trong trường hợp VN lựa chọn PCA để giải quyết tranh chấp tại biển Đông thì cần tuân thủ trình tự, thủ tục sau đây¹:

Thứ nhất, tiến hành ký kết thỏa thuận trọng tài với bên có liên quan trong tranh chấp (“Compromis”)². Về mặt bản chất, PCA là thiết chế giải quyết tranh chấp hoàn toàn dựa trên cơ sở sự thỏa thuận của các bên có liên quan. Chính vì vậy, để đưa tranh chấp chủ quyền biển đảo tại biển Đông ra giải quyết trước

¹ Trình tự, thủ tục này được quy định tại Convention for the pacific settlement of international dispute 1899; Convention for the pacific settlement of international dispute 1907 và các quy trình tổ tụng khác được ban hành trong các giai đoạn sau này.

² Từ gốc được sử dụng trong *Convention For The Pacific Settlement Of International Dispute 1899* và *Convention For The Pacific Settlement Of International Dispute 1907* (bản tiếng Anh).



PCA bắt buộc giữa VN và nước đó trước tiên phải có thỏa thuận lựa chọn, trao thẩm quyền giải quyết cho PCA. Các quy tắc tổ tụng trọng tài được quy định trong Công ước La Haye 1899, Công ước La Haye 1907 cũng như các quy tắc tổ tụng do PCA ban hành trong các giai đoạn sau này đều quy định ký thỏa thuận trọng tài là công việc bắt buộc đầu tiên các bên cần phải thực hiện. Thỏa thuận trọng tài có thể được hai quốc gia liên quan tranh chấp cùng nhau soạn thảo hoặc VN tự soạn thảo rồi gửi cho quốc gia có liên quan để cùng thống nhất nội dung. Cần chú ý: trong mọi trường hợp nội dung các vấn đề chứa đựng trong thỏa thuận trọng tài đều phải được sự thống nhất ý kiến của tất cả các bên liên quan đến vụ tranh chấp.

Thứ hai, gửi đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu giải quyết vụ việc tranh chấp. PCA chỉ bắt đầu tiến hành giải quyết vụ việc khi có đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu của các bên có liên quan. Tranh chấp chủ quyền tại biển Đông là tranh chấp giữa VN với tư cách là một quốc gia với các quốc gia có liên quan nên Quy tắc tổ tụng trọng

tài mà VN nên thỏa thuận lựa chọn là Quy tắc giải quyết tranh chấp giữa 02 bên là quốc gia có hiệu lực ngày 20/10/1992 (Permanent Court of Arbitration optional Rules for arbitrating disputes between two States effective October 20, 1992). Theo quy tắc tổ tụng này thì đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu có thể gửi đến bên có liên quan đến tranh chấp hoặc gửi đến Văn phòng của PCA (đóng tại cung điện Hòa Bình, thành phố La Haye của Hà Lan). Nếu đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp được gửi đến Văn phòng của PCA thì Văn phòng sẽ chuyển đơn đến quốc gia có liên quan.

Thứ ba, lựa chọn Trọng tài viên và thành lập Hội đồng trọng tài để giải quyết vụ việc. Sau khi PCA đã chấp nhận giải quyết vụ việc theo yêu cầu của các bên thì các bên phải thành lập Hội đồng trọng tài để giải quyết vụ việc. Cách thức lựa chọn Trọng tài viên cũng như cơ cấu thành phần của Hội đồng trọng tài về nguyên tắc phải được các bên thống nhất trong thỏa thuận trọng tài. Chính vì vậy, ở giai đoạn này các bên buộc phải thành lập ra một Hội đồng trọng tài để giải quyết vụ

việc trên thực tế. Thời điểm Hội đồng trọng tài bắt đầu tiến hành công việc, phạm vi thẩm quyền của Hội đồng trọng tài làm việc, thù lao Hội đồng trọng tài cũng như các vấn đề có liên quan khác đều do các bên tham gia tranh chấp quyết định. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng trọng tài đã thành lập theo đúng cách thức do các bên thỏa thuận và bắt đầu tiến hành công việc của mình thì Hội đồng trọng tài sẽ có tính độc lập tương đối với các bên chủ thể tham gia tranh chấp. Điều này có nghĩa là các bên phải tôn trọng các quyết định của Hội đồng trọng tài theo đúng cách thức mà các bên đã thống nhất trong thỏa thuận trọng tài.

Thứ tư, chuẩn bị và gửi văn bản, tài liệu liên quan đến yêu sách cũng như các chứng cứ pháp lý chứng minh cho yêu sách của mình. Nếu VN là nước đưa đơn khởi kiện trước thì VN có nghĩa vụ phải gửi các chứng cứ chứng minh cho yêu sách của mình đến Văn phòng của PCA cũng như đến quốc gia còn lại của tranh chấp. Theo quy định của Quy tắc giải quyết tranh chấp giữa 02 bên là quốc gia có hiệu lực ngày

20/10/1992 thì các tài liệu này có thể được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc một ngôn ngữ phổ biến khác do các bên thỏa thuận lựa chọn. Kèm theo các tài liệu, VN cần có bản tranh luận thể hiện quan điểm của mình cũng như các quan điểm phản bác lại yêu sách của quốc gia có liên quan đã thể hiện trong quá trình diễn ra tranh chấp trước đó.

Thứ năm, trong quá trình giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài, đặc biệt ở giai đoạn tranh luận giữa các bên với nhau trước khi Hội đồng trọng tài thảo luận với các bên VN cần chú ý chuẩn bị trước các chứng cứ cũng như các lập luận để trả lời các quan điểm đối lập của quốc gia có liên quan khi họ gửi bản tranh luận đến Hội đồng trọng tài cũng như gửi cho VN. Mức độ hợp lý trong các lập luận mà VN thể hiện trong các phiên tranh luận trực tiếp cũng như trong văn bản giải thích mà VN phải gửi theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài cũng là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để Hội đồng trọng tài ban hành phán quyết. Ở giai đoạn này VN cần thành lập Tổ chuyên gia bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật quốc tế, chuyên gia về biển đảo, địa chất, ... để tư vấn cho các ý kiến tranh luận cũng như giải thích của VN nhằm một mặt đảm bảo tính khoa học mặt khác bảo vệ hiệu quả được yêu sách chủ quyền của VN. Cần chú ý: Giai đoạn tranh luận là giai đoạn các bên tham gia tranh chấp thể hiện trực tiếp quan điểm của mình với nhau dưới sự chứng kiến của Hội đồng trọng tài cũng như cộng đồng quốc tế. Chính vì vậy, trong giai đoạn này nếu VN là quốc gia đưa đơn khởi kiện trước cần hết sức thận trọng trong việc

sắp xếp, đưa ra các chứng cứ theo trình tự hợp lý nhất, tránh để đối phương lợi dụng các hạn chế của VN để bác bỏ yêu sách chủ quyền của VN. Bởi một lẽ thông thường, VN đưa ra yêu sách chủ quyền nhưng lại không chứng minh được, không bảo vệ được yêu sách đó thì rõ ràng chủ quyền không thuộc về VN. Với tính chất phức tạp của tranh chấp chủ quyền biển đảo tại biển Đông hiện nay, VN cần tính toán, cân nhắc mọi lợi ích của VN cũng như lợi ích của các nước có liên quan, đặc biệt là Trung Quốc, để đưa yêu sách và chứng minh cho yêu sách của mình.

2. Chuẩn bị hồ sơ pháp lý

Để đưa tranh chấp chủ quyền biển Đông ra giải quyết trước PCA VN cần chuẩn bị hồ sơ pháp lý để nộp cho Tòa. Đây là một trong những công việc rất quan trọng bởi lẽ PCA chỉ chấp nhận thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp khi các bên cung cấp hồ sơ pháp lý hợp lệ cho Tòa. Về cơ bản, hồ sơ pháp lý VN cần chuẩn bị bao gồm các tài liệu, văn bản sau đây:

- Thỏa thuận chọn PCA giải quyết tranh chấp giữa VN và quốc gia có liên quan. Nội dung của thỏa thuận trọng tài, về nguyên tắc, càng rõ ràng, cụ thể, càng thuận lợi cho quá trình giải quyết của Hội đồng trọng tài sau này. Chính vì vậy, VN cần cố gắng đưa vào thỏa thuận trọng tài các nội dung quan trọng mà phía bên kia có thể thay đổi quan điểm trong quá trình giải quyết tranh chấp như yêu sách của VN, phạm vi các vấn đề tranh chấp, thành phần Hội đồng trọng tài, luật áp dụng giải quyết tranh chấp, giá trị pháp lý ràng buộc của phán quyết trọng tài sau khi được ban hành,...

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh

chấp. Trong đơn cần thể hiện một cách cụ thể các yêu sách của VN, phạm vi các vấn đề có tranh chấp cũng như quan điểm của VN đối với các nội dung tranh chấp. Đặc biệt cần xác định rõ phạm vi của khu vực tranh chấp cũng như phạm vi những nội dung có tranh chấp, tránh nhầm lẫn giữa khu vực thuộc chủ quyền của VN bị nước khác chiếm giữ với khu vực cả hai bên cùng tranh chấp cũng như phải giới hạn rõ ràng các nội dung tranh chấp, tranh chấp về thềm lục địa, tranh chấp về đường biên giới trên biển hoặc tranh chấp về vùng đặc quyền kinh tế,...

- Văn bản chỉ định Trọng tài viên (nếu trong văn bản thỏa thuận trọng tài các bên không đưa nội dung thành lập Hội đồng trọng tài vào). Trong văn bản này phải thể hiện rõ các bên đã thỏa thuận lựa chọn Trọng tài viên nào, các thông tin liên quan đến Trọng tài viên đó, thẩm quyền cụ thể của Hội đồng trọng tài đã được thành lập,...

- Bản bảo vệ yêu sách chủ quyền của VN. Đây là văn bản quan trọng nhất để bảo vệ quan điểm của VN. Cần chú ý lập luận theo một trình tự, định hướng nhất quán, tránh mâu thuẫn, xung đột giữa các quan điểm bảo vệ cho các yêu sách khác nhau của VN. Ví dụ: có một khu vực đảo nhưng VN vừa tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc vừa tranh chấp chủ quyền với Philippines vì cả 3 bên đều tuyên bố chủ quyền thì cần xử lý mối quan hệ với quốc gia trực tiếp tranh chấp với VN trong vụ việc này nhưng phải đặt trong bối cảnh tranh chấp với tất cả các bên còn lại có liên quan. VN cần tập hợp các chuyên gia trong lĩnh vực này để tư vấn ý kiến cho việc soạn thảo bản bảo vệ yêu sách chủ quyền của mình.

- Chứng cứ pháp lý chứng minh yêu sách chủ quyền của VN. Đây là những cơ sở pháp lý chứng minh cho bản yêu sách ở trên vì vậy cần phải có sự chuẩn bị đầy đủ và khoa học mọi chứng cứ có liên quan. Các chứng cứ phải được phân loại thành từng nhóm theo những tiêu chí nhất định. Ví dụ: chứng cứ xuất phát từ tư liệu lịch sử, chứng cứ xuất phát từ pháp luật quốc tế, chứng cứ xuất phát từ thực địa trên thực tế, ...

- Văn bản tranh luận phản bác lại quan điểm đối ngược của quốc gia tranh chấp với VN. Trước khi đưa vụ việc tranh chấp chủ quyền biển Đông ra giải quyết tại bất cứ cơ quan tài phán quốc tế nào VN cần nghiên cứu các cơ sở pháp lý mà các nước khác sử dụng để chứng minh cho yêu sách chủ quyền của họ cũng như nghiên cứu yêu sách chủ quyền của họ trong tương quan so sánh với những chứng cứ mà VN đang có để chuẩn bị trước các lập luận phản bác. Văn bản tranh luận phản bác này sẽ nộp cho Hội đồng trọng tài cũng như gửi cho quốc gia tranh chấp với VN trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp.

- Ý kiến của các chuyên gia trong và ngoài nước về vấn đề tranh chấp mà VN đã tập hợp qua cơ chế tham vấn hoặc tư vấn (trong trường hợp cần thiết). Những ý kiến này thường đến từ các hội thảo khoa học quốc tế, các hội nghị quốc tế giữa các quốc gia có liên quan, các diễn đàn, các công trình khoa học có liên quan đã công bố, ...

- Tùy từng trường hợp cụ thể có thể có thêm các tài liệu khác.

Các tài liệu này được tập hợp, sắp xếp lại thành hồ sơ pháp lý của vụ kiện. Việc chuẩn bị hồ sơ pháp lý cần phù hợp với yêu cầu của quy trình tố tụng mà các bên

đã lựa chọn cũng nhưng phải đảm bảo được tính hiệu quả, thuận lợi trong việc sử dụng để bảo vệ yêu sách chủ quyền của VN.

3. Các chứng cứ VN cần chứng minh trong hồ sơ pháp lý

3.1. Các chứng cứ lịch sử khẳng định chủ quyền của VN

Chứng cứ lịch sử có giá trị chứng minh rất quan trọng trong giải quyết tranh chấp chủ quyền bởi lẽ chúng đã được tạo lập khi tranh chấp chưa phát sinh, không nhằm vào mục đích xác lập chủ quyền cho quốc gia tạo lập và hoàn toàn mang tính khách quan. Trong các chứng cứ lịch sử thì quan trọng nhất là các bản đồ đã được vẽ trong các giai đoạn lịch sử trước đó. Các tập bản đồ này có thể do người VN vẽ hoặc do người nước ngoài vẽ, bao gồm:

- Các bản đồ do người VN vẽ và hiện do VN nắm giữ:

Bản đồ “Bãi cát vàng”: do nho sinh Đỗ Bá vẽ, in trong *Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* có thể hiện quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là một tài liệu thể hiện chính xác về hình thể, vị trí cũng như đặc tính của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được người vẽ bản đồ dùng thuật ngữ thuần Nôm để chỉ là Bãi cát vàng, “là một chứng cứ hùng hồn và xác thực nhất cho thấy quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là một phần lãnh thổ VN, một phần của truyền thống dân tộc”³. Tài liệu này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM;

Đại Nam thống nhất toàn đồ: là bản đồ được vẽ vào thế kỷ XVIII hoặc đầu thế kỷ XIX (giai đoạn triều đại phong kiến nhà Nguyễn). Bản

³ Nguyễn Quang Thắng, *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ VN nhìn từ Công pháp quốc tế*, NXB Tri Thức, TP.HCM, 2008, tr.46.

đồ thể hiện rất rõ quần đảo Hoàng Sa (được gọi là Vạn Lí Hoàng Sa) và quần đảo Trường Sa (được gọi là Vạn Lí Trường Sa) bao gồm vị trí, tên một số đảo chính, tình trạng địa lý, ...;

- Các bản đồ do người nước ngoài vẽ (chủ yếu là người Pháp):

An Nam đại quốc họa đồ: là một bản đồ được in cùng với thời điểm ra đời của Đại Nam thống nhất toàn đồ. Bản đồ này được in đính kèm sau bộ *Từ điển Việt – Latinh* có nhan đề là Latino – Anamiticum của Giám mục Taberd, xuất bản năm 1838, hiện nay còn lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM. Đây là tài liệu rất quan trọng xác định rõ ràng từ thế kỷ XIX các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ VN, và quan trọng nhất, do người nước ngoài vẽ nhưng lại có nội dung gần như tương đồng với bản đồ Đại Nam thống nhất toàn đồ do người VN vẽ;

Bản đồ Đông Ấn và các nước chung quanh Ấn Độ (East Indies and Further India) trong *Philips' Pocket of the World* xuất bản tại London năm 1969 cũng xác định rõ Hoàng Sa và Trường Sa là của VN.

Bên cạnh các bản đồ, các tài liệu bằng văn bản cũng là những chứng cứ lịch sử quan trọng. Các tài liệu này bao gồm nhiều loại như: các nhật ký hải trình của các hàng vận tải, các đoàn khảo sát; các tài liệu lịch sử do các nhà khoa học công bố tập thể hoặc cá nhân, nhân danh nhà nước hoặc công bố độc lập; các văn bản pháp lý đã được ban hành trong các giai đoạn trước bởi các chính quyền của VN, các văn bản trao đổi qua lại giữa các quốc gia có vị trí lãnh thổ nằm xung quanh biển Đông ... Những tài liệu này



thành lập cũng như hoạt động của các hải đội Hoàng Sa, Trường Sa (Bắc hải đội, Hoàng Sa đội) từ thời các Chúa Nguyễn cũng được ghi chép tỉ mỉ trong tài liệu lịch sử này. Các tài liệu này hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM;

Đại Nam thực lục tiền biên và *Đại Nam thực lục chính biên*: *Đại Nam thực lục* là một bộ sử chép theo thể biên niên với từng đời vua, chúa của triều Nguyễn. Bộ sử này bao gồm 2 phần: phần đầu gọi là *Đại Nam thực lục tiền biên* viết về các đời Chúa Nguyễn (1558 – 1778), phần sau gọi là *Đại Nam thực lục chính biên* viết về các việc từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua đến đời vua Đồng Khánh (1802 – 1889). Trong bộ sử này các sử gia VN đã viết khá rõ về tất cả các sự kiện có liên quan về nhiều vấn đề trọng đại, trong đó có vấn đề quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Lịch sử địa lý của Hoàng Sa và Trường Sa từ đời các chúa Nguyễn đến các đời vua Gia Long, Minh Mạng trong việc xây dựng và bảo vệ lãnh thổ VN. Tài liệu này hiện cũng đang được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM;

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ: là một bộ sách do các đại thần nhà Nguyễn theo lệnh vua ghi chép những công tác của triều đình thuộc lục Bộ; các việc về pháp luật, điển chương, chính trị, văn hóa và các công việc khác của vua được ghi chép cẩn thận rồi tập trung cho một vị đại thần được triều đình chủ định viết thành sách. Trong bộ sách này có nhiều đoạn vào giai đoạn triều vua Minh Mạng có nhắc đến các công việc liên quan đến quần đảo Hoàng Sa, cụ thể: “Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), tâu xin cho xây cất một gian miếu tại Hoàng Sa

gián tiếp chứng minh trong lịch sử quốc gia nào đã thực hiện chủ quyền đối với các quần đảo đang có tranh chấp. Cụ thể:

- Các tài liệu của sử gia VN: bao gồm rất nhiều tài liệu khác nhau mà cho đến nay công tác sưu tập đã được nhiều nhà nghiên cứu tiến hành, có thể kể một số tư liệu tiêu biểu như:

Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn: là quyển sách được Lê Quý Đôn viết vào thời gian ông trấn nhậm tại hai đạo Thuận Hóa và Quảng Nam (ngày nay là tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định), nghĩa là khoảng giữa thế kỷ XVIII. Bộ sách gồm 6 quyển, trong đó quyển II có hai đoạn chi tiết đề cập đến vấn đề quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. *Phủ biên tạp lục* là một sử liệu đầy đủ và chính xác nhất được tác giả trình bày khá tỉ mỉ về Hoàng Sa, Trường Sa vào lúc chưa có nhà nghiên cứu nào trong nước cũng như nước ngoài nghiên cứu và nghiên cứu tường tận như Lê Quý Đôn. Sách này năm 1964 đã được

dịch sang tiếng Việt và tàng trữ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn. Ngày nay được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM;

Lịch triều hiến chương loại chí và *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú: là hai bộ sách bách khoa của VN được biên soạn từ năm 1821 đến năm 1833. *Lịch triều hiến chương loại chí* là một tác phẩm bách khoa lớn, bao gồm 49 quyển, chia làm 10 phần (10 chí). Trong đó, phần thứ 1 (Dư địa chí) bao gồm 5 quyển ghi về các địa danh của thời đó. Tại quyển thứ 5, phần nghiên cứu về Đạo Quảng Nam, có viết về phủ Tư Nghĩa, phần lớn đều nói về Hoàng Sa và Trường Sa vì đây là miền đất quan trọng nhất, án ngữ phía Đông của Phủ Tư Nghĩa lúc bấy giờ. *Hoàng Việt dư địa chí* (1833) chính là phần Dư địa chí của *Lịch triều hiến chương loại chí* sau được tách ra và in thành một bộ sách riêng. Đây là tài liệu vô cùng quan trọng đã được rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tham khảo khi nghiên cứu về chủ quyền lịch sử của VN đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việc

(theo kiểu nhà đá) nằm ở phía Tây Nam cồn Bạch Sa, bên trái dựng bia đá (cao 1m50, rộng 1m20), mặt trước xếp đá che, hai bên trái, phải và phía sau có trồng các loại cây⁷⁴. Đây là chứng cứ lịch sử có giá trị pháp lý chứng minh VN đã thực thi chủ quyền của mình trên thực tế đối với quần đảo Hoàng Sa vào thế kỷ XIX (xây dựng các công trình nhân tạo) cho đến khi quần đảo này rơi vào tay người Trung Quốc.

- Các tài liệu của các tác giả nước ngoài:

Các tài liệu của các tác giả phương Đông: quan trọng nhất là *Hải ngoại ký sự* của Thích Đại Hán (người Trung Quốc) hiện nay còn tàng trữ tại Đông Dương văn khố Nhật Bản và Quốc Lập Trung ương đồ thư quán Trung Hoa (Đài Loan). Nội dung sách viết về việc tác giả được chúa Nguyễn Phúc Chu cung thỉnh đến Đàng Trong để giảng dạy đạo pháp, những điều tác giả tai nghe, mắt thấy trong hơn 1 năm sống và làm việc tại hai xứ Thuận Quảng. Trong sách có nhiều đoạn ghi chép lại việc tổ chức quản lý hành chính của chính quyền Đàng Trong đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (kiểm soát an ninh, đi lại, thu thuế, giải quyết tranh chấp, ...) cũng như việc tổ chức cho ngư dân VN ra khơi đánh bắt cá. Điều này chứng tỏ VN đã thực hiện chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thế kỷ XVII và nội dung tài liệu này cũng tương đối trùng khớp với các tài liệu do các sử gia VN biên soạn trong giai đoạn này.

Các tài liệu của các tác giả

phương Tây: bao gồm tư liệu của người Hà Lan như *Kí sự Batavia (Journal de Batavia)* của Công ty Đông Ấn – Hà Lan xuất bản vào các năm 1631 – 1636, có đoạn viết về những sự kiện các tàu biển của Công ty Đông Ấn bị nạn tại quần đảo Hoàng Sa của xứ Đàng Trong; Các tư liệu tại Văn khố của Hội truyền giáo Paris do các



giáo sĩ châu Âu thập tùng theo các tàu biển của Công ty Đông Ấn đi truyền giáo tại khu vực Đông Nam Á ngày nay ghi chép lại những điều họ đã tai nghe, mắt thấy trong suốt hải trình của mình, trong đó có nhiều đoạn mô tả tỉ mỉ về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Đàng Trong; các tài liệu cá nhân của các giám mục phương Tây như J.B. Chaigneau (vốn là một người Pháp theo Nguyễn Ánh chống nhau với quân Tây Sơn, sau khi Gia Long lên ngôi ông giữ một chức quan lớn tại triều đình Huế. Trong giai đoạn ở VN ông có viết quyển hồi kí mang tên *Mémoire sur la Cochinchine (Hồi ký về Nam Kỳ)*). Trong sách này Chaigneau viết nhiều vấn đề

về quản lý hành chính của triều đình Huế đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Các bản đồ và tài liệu lịch sử trên đều còn tồn tại và đều chứng minh rằng chậm nhất là vào thế kỷ XVI hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã là một phần lãnh thổ của VN và người VN đã chính thức thực thi chủ quyền trên các đảo ấy trong suốt một thời gian dài và liên tục. Các tài liệu lịch sử đã được lập trong các giai đoạn lịch sử trước đó là một chứng cứ lịch sử rất quan trọng mà VN cần triệt để khai thác bởi lẽ những chứng cứ này đã được tạo ra trong những hoàn cảnh hết sức khách quan và quan trọng nhất, không quốc gia nào có thể tạo dựng được trong giai đoạn hiện tại.

Các văn bản pháp lý, các điều ước quốc tế đã được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử của VN cũng có giá trị chứng cứ lịch sử rất quan trọng. Các tài liệu này có thể chia thành 3 nhóm theo thời gian:

- Tài liệu thời kỳ Pháp chiếm VN đến cuối Chiến tranh thế giới thứ 2: có thể liệt kê các văn bản pháp lý quan trọng như Thỏa ước phân định ranh giới ngày 26/6/1887 giữa Pháp và Trung Hoa về việc phân định ranh giới giữa Bắc Kỳ và Trung Hoa trong đó thể hiện rõ các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về lãnh thổ của nước An Nam; Tuyên bố của Toàn quyền Đông Dương ngày 08/3/1925 về việc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Pháp ở Đông Dương; Dự số 10 ngày 30/3/1930 của vua Bảo Đại sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên (trước

⁷⁴ Nguyễn Quang Thắng, Sđd, tr.115 – tr.116.

đó Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi); Sắc lệnh ngày 26/7/1933 của Chính phủ Pháp tuyên cáo sự chiếm hữu của Pháp đối với quần đảo Trường Sa và Sắc lệnh ngày 21/12/1933 của Thống đốc Nam Kỳ J. Krautheimer chính thức sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa; ...

- Tài liệu thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến năm 1975: Trong giai đoạn này tranh chấp chủ quyền đối với các đảo trên biển Đông bắt đầu gia tăng, lúc đầu chỉ có Trung Quốc tham gia, sau đó lôi kéo theo nhiều quốc gia trong khu vực cùng tham gia tuyên bố chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Về phía VN trong giai đoạn này vẫn có nhiều chứng cứ pháp lý thể hiện tuyên bố chủ quyền của VN như Tuyên bố của Hoàng thân Bửu Lộc, Đông lý văn phòng của Quốc trưởng Bảo Đại tháng 4 năm 1949 tái khẳng định một cách công khai chủ quyền của VN đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Tuyên bố ngày 01/6/1956 của Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu (Chính phủ VN Cộng hòa) tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của VN đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Sắc lệnh ngày 22/10/1956 của Chính phủ Sài Gòn sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy (nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu); ... Cần chú ý trong giai đoạn này bên cạnh những tuyên bố chủ quyền của VN đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì các nước khác như Trung Quốc, Philippines cũng liên tục đưa ra các tuyên bố chủ quyền của mình và nhiều đảo trong quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng không còn nằm dưới sự kiểm soát thực tế của VN. Tình trạng thực tế của các đảo cũng không còn được

giữ nguyên bởi sự can thiệp của các quốc gia đang chiếm giữ. Bên cạnh đó, trong giai đoạn này nhiều văn bản do các phía của VN đưa ra đôi khi lại có quan điểm trái ngược nhau và gây tranh cãi về nội dung cho đến ngày nay⁵.

- Tài liệu thời kỳ từ năm 1975 đến ngày nay: Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa VN liên tục, công khai tuyên bố chủ quyền của VN đối với cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng hàng loạt các văn bản pháp lý cũng như các tuyên bố khác có liên quan, các hành vi pháp lý thể hiện chủ quyền.

3.2. Chứng cứ pháp lý xuất phát từ quy định của pháp luật quốc tế

Tranh chấp chủ quyền biển đảo là một trong những lĩnh vực phải triệt để tuân thủ các quy định của Luật quốc tế khi giải quyết. VN đã bị mất quyền kiểm soát thực tế đối với nhiều đảo thuộc chủ quyền của VN. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn không phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế. Một trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. VN chúng ta đã mất quyền kiểm soát lãnh thổ bởi hành động sử dụng vũ lực của quốc gia khác một cách bất hợp pháp. Vì vậy, trong các chứng cứ pháp lý mà VN sử dụng để chứng minh yêu sách chủ quyền của mình thì các quy định của pháp luật quốc tế về việc cấm chiếm giữ lãnh thổ của quốc gia khác bằng con đường sử dụng vũ lực sẽ là một trong những chứng cứ pháp lý quan trọng để VN bác bỏ yêu sách chủ quyền của quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc. Bởi lẽ, theo luật quốc tế, từ đầu thế kỷ 20 việc dùng vũ lực để chinh phục một lãnh thổ

đã bị lên án và không được chấp nhận. Một trong những cơ sở pháp lý quan trọng nhất mà VN cần triệt để khai thác để bảo vệ yêu sách chủ quyền của mình chính là Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS). UNCLOS là văn bản pháp lý quốc tế lớn nhất và hoàn chỉnh nhất về luật biển đến thời điểm này và đã được nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả VN, Trung Quốc, tham gia. Căn cứ vào quy định của UNCLOS VN hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý để vạch đường biên giới trên biển theo khoảng cách chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở cũng như xác định vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở cũng như bác bỏ đường yêu sách chủ quyền hình chữ U chiếm 80% diện tích biển Đông của Trung Quốc.

Bên cạnh các quy định của pháp luật quốc tế, VN cần kiên trì vận dụng các thỏa thuận đã đạt được giữa các quốc gia có liên quan đến tranh chấp chủ quyền biển đảo tại biển Đông mà quan trọng nhất đến thời điểm hiện tại là Tuyên bố về ứng xử của các bên trên biển Đông (Declaration on the conduct of parties in the South China Sea – DOC) và Hướng dẫn thực thi DOC ngày 21/7/2011. Dù giá trị pháp lý của các văn bản này không cao như một điều ước quốc tế nhưng đó chính là sự đồng thuận về ý chí giữa các quốc gia trong khu vực về một giải pháp cho tranh chấp biển Đông và quan trọng hơn nữa là Trung Quốc cũng đã ký vào các văn bản này.

Như vậy, vận dụng các nguyên tắc của Luật quốc tế về xác lập chủ quyền quốc gia cũng như các điều ước quốc tế có liên quan, các thỏa thuận đa phương giữa VN với các

⁵ Xem Nguyễn Quang Thắng, Sđd, tr.167 – tr.179.

quốc gia có liên quan là một trong các cơ sở pháp lý mà VN cần tập trung khai thác trong quá trình chứng minh yêu sách chủ quyền của mình tại Tòa trọng tài thường trực La Haye bởi lẽ bên cạnh các chứng cứ lịch sử do các bên tham gia tranh chấp cung cấp thì Hội đồng trọng tài phải dựa trên quy định của Luật quốc tế để đưa ra phán quyết giải quyết vụ việc.

3.3. Chứng cứ pháp lý xuất phát từ sự chiếm hữu thực tế

Trong phần lớn các phán quyết giải quyết tranh chấp lãnh thổ của Tòa trọng tài thường trực La Haye thì một trong những căn cứ pháp lý quan trọng mà Hội đồng trọng tài xem xét để xác định chủ quyền quốc gia chính là trên thực tế quốc gia nào đã và đang thực hiện chủ quyền đối với lãnh thổ đang tranh chấp đó. Nguyên tắc này không phải do PCA đặt ra mà là một trong những nguyên tắc của Luật quốc tế để xác định chủ quyền đối với một vùng lãnh thổ thuộc về quốc gia nào. Chính vì vậy, khi giải quyết tranh chấp biển Đông tại PCA, một trong những chứng cứ pháp lý quan trọng VN cần chứng minh là sự chiếm hữu trên thực tế của VN đối với các vùng biển đảo có tranh chấp. Sự chiếm hữu này đã được thực hiện trong quá trình lịch sử lâu dài, thể hiện thông qua các chứng cứ lịch sử mà VN đã thể hiện. Đối với những khu vực hiện đang nằm dưới sự chiếm giữ thực tế của quốc gia khác VN cần chứng minh rõ ràng đó là sự chiếm giữ bất hợp pháp, không thể xem là sự chiếm hữu thực tế và công khai theo quy định của pháp luật quốc tế. Cụ thể:

- Các tài liệu chứng minh VN đã liên tục khai thác các tài nguyên khoáng sản trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của VN

(các hợp đồng liên doanh với công ty nước ngoài thăm dò, khai thác dầu khí, các công trình nghiên cứu khoa học phục vụ cho lợi ích kinh tế, ...). Trong trường hợp cần thiết VN có thể mời các công ty đã tham gia liên doanh với phía VN khảo sát, khai thác dầu khí trên khu vực thềm lục địa cũng như vùng đặc quyền kinh tế của VN tham gia vụ tranh chấp với tư cách là nhân chứng;

- Các tài liệu chứng minh VN thực hiện quyền quản lý hành chính đối với các quần đảo thuộc chủ quyền của VN (thành lập đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy chính quyền, giải quyết các công việc cụ thể về quản lý hành chính nhà nước, ...). Các tài liệu này phải là các văn bản chính thức do các cơ quan có thẩm quyền của VN ban hành, phù hợp với quy định của pháp luật VN;

- Các tài liệu chứng minh ngư dân VN vẫn khai thác nguồn lợi thủy hải sản từ các vùng biển thuộc chủ quyền của VN dưới sự hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước VN (các chương trình hỗ trợ ngư dân vay vốn đóng tàu đánh cá, hỗ trợ ngư dân VN cũng như ngư dân nước khác gặp nạn trên vùng biển của VN, cứu nạn, cứu hộ trên biển, ...);

- Các tài liệu chứng minh dân cư VN hiện đang cư trú, sinh sống trên các quần đảo VN tuyên bố chủ quyền. Trong trường hợp cần thiết VN có thể mời các dân cư này tham gia vụ tranh chấp với tư cách là nhân chứng;

- Các tài liệu chứng minh sự phản ứng của Nhà nước và nhân dân VN đối với hành động xâm phạm chủ quyền của các nước khác đối với vùng biển đảo mà VN tuyên bố chủ quyền.

Tóm lại, PCA là một trong những giải pháp mà VN có thể lựa chọn để giải quyết tranh chấp chủ quyền biển đảo trên biển Đông. Mỗi giải pháp đều có những ưu điểm và hạn chế của mình. Tuy nhiên, dù lựa chọn giải pháp nào thì để bảo vệ được hữu hiệu yêu sách chủ quyền, VN cần có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt. Chỉ có như thế mới có thể giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Convention for the Pacific Settlement Of International Dispute 1899 (Công ước La Haye về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế năm 1899). Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

Convention for the Pacific Settlement Of International Dispute 1907 (Công ước La Haye về giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế năm 1907). Nguồn: http://pca-cpa.org/showpage.asp?pag_id=1187.

Nguyễn Quang Thắng (2008), *Hoàng Sa, Trường Sa, Lãnh thổ VN nhìn từ Công pháp quốc tế*, NXB Tri thức, Hà Nội.

Nguyễn Trường Giang (2008), *Những phát triển của luật pháp quốc tế trong thế kỷ XXI* (Sách tham khảo), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Office for Ocean Affairs and the Law of the Sea, United Nations, Reprinted in *the Law of the Sea – Maritime Boundary Agreements* (1985 – 1991), New York 1992.

Permanent Court of Arbitration, *Optional Rules for arbitrating disputes between two States Effective October 20, 1992*. Nguồn: <http://pca-cpa.org>.

United Nations Convention on the Law of the Sea 1982 (Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982). Nguồn: <http://pca-cpa.org>.